

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

A. TRẮC NGHIỆM

I. ĐIỀN TỪ CÒN THIẾU VÀO CHỖ TRỐNG

1. Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hóa là..... và
2. Hàng hóa có thể ở dạng....., hoặc ở dạng
3. Hàng hóa có hai thuộc tính làvà
4. Quy luật giá trị yêu cầu: và hàng hóa được thực hiện theo hao phí lao động xã hội cần thiết.
5. hàng hóa là hình thức biểu hiện bằng tiền của hàng hóa
6. Biểu hiện của chính là tình trạng mức giá chung của toàn bộ nền kinh tế trong một thời gian nhất định.
7. Giá trị hàng hóa là phạm trù, giá trị sử dụng là phạm trù
8. Giá trị hàng hóa là của người sản xuất hàng hóa trong hàng hóa.
9. là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm cho tất cả hàng hóa.
10. Hai thuộc tính của hàng hóa vừa, vừa với nhau
12. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư
13. Giá trị thặng dư là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư.....
14. Căn cứ vào khả năng làm tăng giá trị, tư bản được chia thành tư bản và tư bản
15. Ngày lao động dưới chủ nghĩa tư bản bao giờ cũng được chia làm 2 phần: thời gian lao động và thời gian lao động
16. giá trị thặng dư – quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản
17. Giá trị thặng dư siêu ngạch là do tăng năng suất lao động, giá trị thặng dư tương đối là do tăng năng suất lao động
18. Quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị và quá trình sản xuất ra giá trị
19. Tiền cônglà tiền công biểu hiện bằng số lượng và chất lượng tư liệu sinh hoạt mà công nhân mua được bằng tiền công
20. Bần cùng hóa giai cấp vô sản biểu hiện dưới hai hình thái: bần cùng hóa và bần cùng hóa
21. tư bản phản ánh trực tiếp mối quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê, tư bản phản ánh trực tiếp mối quan hệ cạnh tranh giữa các nhà tư bản

22. là đưa tư bản ra nước ngoài để sản xuất và chiếm đoạt giá trị thặng dư và các khoản lợi nhuận khác từ các nước nhập khẩu.
23. là liên minh giữa những tư bản lớn nhằm khống chế việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hoá, để thu được lợi nhuận độc quyền cao.
24. Quá trình xâm nhập lẫn nhau giữa tư bản độc quyền ngân hàng và tư bản độc quyền công nghiệp làm hình thành
25. Sở hữu là sở hữu tập thể của giai cấp tư sản độc quyền, có nhiệm vụ ủng hộ và phục vụ lợi ích của tư bản độc quyền nhằm duy trì sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.
26. Ngân sách; Thuế; Hệ thống tiền tệ - tín dụng; Doanh nghiệp nhà nước; Kế hoạch hoá; Công cụ hành chính, pháp lí là của nhà nước
27. là tổng số các tư bản cá biệt của xã hội vận động đan xen nhau, tác động lẫn nhau, tạo tiền đề cho sự vận động và phát triển của nhau.
28. Tái sản xuất giản đơn là tái sản xuất với.....
29. Tái sản xuất mở rộng là tái sản xuất với
30. Trong phân tích tái sản xuất tư bản xã hội, nền sản xuất xã hội được chia thành khu vực sản xuất và khu vực sản xuất.....
31. Quy mô tái sản xuất mở rộng của khu vực I quy mô tái sản xuất mở rộng của khu vực II.
32. Điều kiện thứ nhất để tái sản xuất giản đơn diễn ra là: về tư liệu sản xuất của khu vực II phải bằng của khu vực I về tư liệu sản xuất mới tạo ra.
33. Điều kiện thứ hai để tái sản xuất giản đơn diễn ra là: Tổng cung về tư liệu sản xuất của khu vực I phải bằng tổng cầu về tư liệu sản xuất của.....
34. Điều kiện thứ ba để tái sản xuất giản đơn diễn ra là: tổng cung về tư liệu tiêu dùng của khu vực hai tổng cầu về tư liệu tiêu dùng của xã hội
- 35..... tư bản chủ nghĩa là chi phí về tư bản mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hàng hóa.
36. Biểu hiện của quy luật giá trị trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh là quy luật.....
37. Biểu hiện của quy luật giá trị trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền là quy luật
38. Kết quả của sự cạnh tranh giữa các ngành là sự hình thành bình quân
39. Cạnh tranh giữa các ngành là sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp trong các ngành sản xuất nhằm tìm nơi có lợi hơn
40. Tự do để ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này khi phát triển tới một mức độ nhất định lại dẫn tới
41. Xuất khẩu tư bản được thực hiện dưới hai hình thức chủ yếu là xuất khẩu tư bản và xuất khẩu tư bản.....

42. Bản chất của chủ nghĩa đế quốc, về mặt kinh tế là sự của chủ nghĩa tư bản độc quyền, về mặt chính trị là sự, hiếu chiến.
43. Chủ thể thực hiện xuất khẩu tư bản bao gồm: tư bản và tư bản
44. sinh ra từ cạnh tranh tự do nhưng không thủ tiêu mà làm cho cạnh tranh trở nên gay gắt hơn, có sức phá hoại lớn hơn và đa dạng hơn
45. Tiền công là tiền công biểu hiện bằng số lượng và chất lượng tư liệu sinh hoạt mà công nhân mua được bằng tiền công
46. Bần cùng hóa giai cấp vô sản biểu hiện dưới hai hình thái: bần cùng hóa và bần cùng hóa
47. C. Mác giả định nền sản xuất xã hội được chia thành hai khu vực: khu vực I: sản xuất và khu vực II: sản xuất
48. Tái sản xuất tư bản xã hội bao gồm tái sản xuất và tái sản xuất
49. Sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo ra tư liệu sản xuất....., sau đến sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo ra tư liệu tiêu dùng và cuối cùng là sự phát triển của sản xuất tư liệu tiêu dùng.
50. Giai cấp công nhân vừa là giai cấp, vừa là chủ yếu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa
51. Một trong các đặc trưng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hoá có tính rộng rãi và tính sâu sắc
52. Nền tảng tư tưởng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là.....

II. CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG NHẤT

1. Thuật ngữ “kinh tế chính trị” được nhà kinh tế học nào sử dụng lần đầu tiên?

- a. C. Mac
b. A. Smith
c. A. Montchrestien
d. W. Petty

2. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị học Mác-Lênin?

- a. Lĩnh vực lưu thông (ngoại thương)
b. Lĩnh vực sản xuất (nông nghiệp)
c. Bản chất và nguyên nhân của sự giàu có
d. Quan hệ sản xuất trong mối liên hệ với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng

3. Quy luật kinh tế

- a. Là quy luật tự nhiên
b. Là quy luật xã hội
c. Có tính lịch sử
d. Cả b và c

4. Lao động cụ thể tạo ra

- a. Giá trị sử dụng
c. Giá cả hàng hóa

b. Giá trị hàng hóa

d. Giá trị trao đổi

5. Giá cả hàng hóa tỷ lệ thuận với

a. Giá trị hàng hóa

c. Quan hệ cung - cầu

b. Giá trị tiền tệ

d. Quan hệ cạnh tranh

6. Trong lĩnh vực sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu hao phí lao động cá biệt của các chủ thể sản xuất phải hao phí lao động xã hội cần thiết

a. Lớn hơn

c. Bằng

b. Nhỏ hơn hoặc bằng

d. Cả a và b

7. Khi tăng cường độ lao động

a. Số lượng lao động hao phí trong một đơn vị thời gian tăng lên

b. Số lượng lao động hao phí trong một đơn vị thời gian giảm

c. Số lượng lao động hao phí trong một đơn vị thời gian không đổi

d. Tất cả các phương án trên đều sai

8. Đâu là lạm phát siêu phi mã

a. 5%

c. 150%

b. 15%

d. 1500%

9. Khi năng suất lao động tăng lên, giá trị 1 đơn vị sản phẩm sẽ

a. Tăng

c. Giảm

b. Không đổi

d. Tất cả các phương án đều sai

10. Quy luật lưu thông tiền tệ xác định

a. Lượng tiền làm chức năng phương tiện lưu thông

b. Lượng tiền làm chức năng cất trữ

c. Lượng tiền làm chức năng mua bán chịu

d. Lượng tiền cần thiết cho lưu thông

11. Thuật ngữ “kinh tế chính trị” được sử dụng lần đầu tiên vào năm

a. 1515

c. 1715

b. 1615

d. 1815

12. Phương pháp quan trọng mang tính đặc thù để nghiên cứu kinh tế chính trị là

a. Phương pháp quan sát

c. Phương pháp trừu tượng hóa khoa học

b. Phương pháp thống kê

d. Phương pháp lôgic

13. Chính sách kinh tế có tính

a. Khách quan

c. Vĩnh viễn

b. Chủ quan

d. Cả a, b, c

14. Giá cả hàng hóa tỷ lệ nghịch với

- a. Giá trị hàng hóa
- b. Quan hệ cạnh tranh
- c. Quan hệ cung - cầu
- d. Giá trị tiền tệ

15. Lao động trừu tượng tạo ra

- a. Giá trị sử dụng
- b. Giá trị hàng hóa
- c. Giá cả hàng hóa
- d. Giá trị trao đổi

16. Tiền tệ có mấy chức năng

- a. 3
- b. 4
- c. 5
- d. 6

17. Khi năng suất lao động tăng, số lượng sản phẩm sản xuất ra trong 1 đơn vị thời gian sẽ

- a. Không đổi
- b. Tăng
- c. Giảm
- d. Tất cả các phương án đều đúng

18. Khi tăng cường độ lao động, giá trị của 1 đơn vị sản phẩm sẽ

- a. Tăng
- b. Không đổi
- c. Giảm
- d. Tất cả các phương án đều sai

19. Quy luật giá trị

- a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- b. Kích thích cải tiến kỹ thuật
- c. Phân hóa người sản xuất
- d. Cả a, b, c

20. Lượng giá trị của hàng hóa được tính bằng

- a. Thời gian lao động (giờ, ngày, tháng...)
- b. Thời gian lao động cá biệt
- c. Thời gian lao động xã hội cần thiết
- d. Cả a, b, c

21. Lượng giá trị hàng hóa là:

- a. Lượng lao động tiêu hao để sản xuất ra hàng hóa
- b. Lượng hao phí lao động của người sản xuất ra hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- c. Thời gian lao động cá biệt cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- d. Thời gian lao động xã hội cần thiết

22. Hàng hóa là:

- a. Sản phẩm của lao động nhằm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- b. Sản phẩm được sản xuất ra để trao đổi, mua bán
- c. Sản phẩm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người

d. Bất kì sản phẩm nào được trao đổi mua bán

e. Cả a và b

23. Hai thuộc tính của hàng hóa là:

a. Giá trị và giá trị sử dụng

b. Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi

c. Giá trị và giá trị trao đổi

d. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng

24. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng là

a. Hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

b. Hai loại lao động sản xuất ra sản phẩm

c. Hai thuộc tính của hàng hóa

d. Tính chất của nền sản xuất hàng hóa

25. Giá trị của hàng hóa

a. Là công dụng của hàng hóa được thể hiện khi tiêu dùng hàng hóa

b. Là hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

c. Là hao phí lao động của người sản xuất ra hàng hóa thể hiện khi tiêu dùng hàng hóa

d. Là công dụng của hàng hóa thể hiện khi trao đổi, mua bán hàng hóa

26. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa là

a. Sức sản xuất của lao động

b. Cường độ lao động

c. Mức độ phức tạp của lao động

d. Cả a, b và c

27. Năng suất lao động

a. Tỷ lệ nghịch với giá trị của một đơn vị hàng hóa, tỷ lệ thuận với số lượng hàng hóa

b. Tỷ lệ thuận với giá trị một đơn vị hàng hóa và số lượng hàng hóa

c. Không ảnh hưởng đến lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa, chỉ tác động đến số lượng sản phẩm

d. Tỷ lệ nghịch với số lượng hàng hóa và tỷ lệ thuận với thời gian để làm ra một đơn vị hàng hóa

28. Cường độ lao động

a. Không ảnh hưởng nhiều đến giá trị của một đơn vị hàng hóa, nhưng tỷ lệ thuận với số lượng hàng hóa

b. Không ảnh hưởng nhiều đến giá trị của một đơn vị hàng hóa, nhưng tỷ lệ nghịch với số lượng hàng hóa

c. Tỷ lệ nghịch với giá trị của một đơn vị hàng hóa, tỷ lệ thuận với số lượng hàng hóa

d. Tỷ lệ thuận với giá trị một đơn vị hàng hóa và số lượng hàng hóa

29. Quá trình phát triển của các hình thái giá trị dẫn đến

a. Sự hình thành hàng hóa

b. Sự hình thành tiền tệ

- c. Sự hình thành giá trị sử dụng
- d. Sự hình thành quá trình trao đổi, mua bán

30. Bản chất của tiền tệ là

- a. Hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các loại hàng hóa
- b. Phương tiện lưu thông và phương tiện cất trữ
- c. Thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa
- d. Cả a và c

31. Công thức chung của tư bản là:a. $H - T - H$ b. $H - T - H'$ c. $T - H - T$ d. $T - H - T'$ **32. Tư bản bất biến**

- a. Giá trị không thay đổi trong quá trình sản xuất
- b. Giá trị chuyển vào sản phẩm qua khấu hao
- c. Giá trị tăng thêm trong sản phẩm
- d. Tất cả đều sai

33. Tư bản khả biến

- a. Ký hiệu là v
- b. Giá trị không thay đổi trong quá trình sản xuất
- c. Giá trị tăng lên trong quá trình sản xuất
- d. Cả a và b
- e. Cả a và c

34. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh

- a. Hiệu quả sử dụng tư bản cố định
- b. Trình độ bóc lột
- c. Quy mô bóc lột
- d. Hiệu quả sử dụng tư bản bất biến

35. Khối lượng giá trị thặng dư phản ánh

- a. Hiệu quả sử dụng tư bản cố định
- b. Trình độ bóc lột
- c. Quy mô bóc lột
- d. Hiệu quả sử dụng tư bản bất biến

36. Căn cứ vào phương thức chu chuyển giá trị vào sản phẩm, tư bản được chia thành

- a. Tư bản cố định và tư bản lưu động
- b. Tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng
- c. Tư bản bất biến và tư bản khả biến
- d. Tư bản cá biệt và tư bản xã hội

37. Tích lũy tư bản là sử dụng

- a. Tài sản làm tư bản
- b. Sức lao động làm tư bản

- c. Tiền làm tư bản
d. Giá trị thặng dư làm tư bản

38. Tích tụ và tập trung tư bản đều làm

- a. Giảm quy mô tư bản cá biệt
b. Tăng quy mô tư bản xã hội
c. Tăng quy mô tư bản cá biệt
d. Giảm quy mô tư bản xã hội

39. Nguồn gốc của tích tụ tư bản là

- a. Tiền
b. Cửa cải
c. Vàng
d. Giá trị thặng dư

40. Tư bản ứ đọng để mua nguyên, nhiên, vật liệu và sức lao động là

- a. Tư bản bất biến
b. Tư bản cố định
c. Tư bản khả biến
d. Tư bản lưu động

41. Sức lao động là hàng hóa khi người lao động

- a. Có quyền sở hữu năng lực lao động của mình
b. Có quyền bán sức lao động của mình như một hàng hóa
c. Tự do về thân thể và không có tư liệu sản xuất
d. Muốn lao động để có thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình

42. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản là

- a. Mâu thuẫn giữa sản xuất và lưu thông
b. Giá trị và giá trị tăng thêm
c. Mâu thuẫn giữa lưu thông và không lưu thông hàng hóa
d. Giá trị không sinh ra trong lưu thông cũng không nằm ngoài lưu thông.

43. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động là:

- a. Vật ngang giá chung
b. Tạo ra sản phẩm mới tốt hơn
c. Tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó
d. Tạo ra giá trị sử dụng mới lớn hơn giá trị sử dụng của nó

44. Giá trị của hàng hóa sức lao động

- a. Lớn hơn giá trị của hàng hóa
b. Được tính một cách trực tiếp qua hao phí lao động
c. Được tính gián tiếp thông qua giá trị hàng hóa khác
d. Do nhà tư bản quyết định.

45. Người công nhân bán cho nhà tư bản

- a. Sản phẩm do mình sản xuất ra
c. Quyền sở hữu sức lao động

b. Quyền sử dụng sức lao động

d. Giá trị của sức lao động

46. Tiền công là:

a. Giá trị của hàng hóa sức lao động

c. Giá trị của lao động

b. Giá cả của hàng hóa sức lao động

d. Giá cả của lao động

47. Tư bản bất biến là:

a. Tư bản không thay đổi về hình dạng

b. Tư bản không thay đổi về mặt giá trị

c. Tư bản không thay đổi về mặt giá trị sử dụng

d. Tư bản không chuyển giá trị một lần vào sản phẩm

48. Tư bản khả biến:

a. Có sự tăng về lượng trong quá trình sản xuất

b. Là tư bản dùng để mua sức lao động

c. Giá trị sử dụng tăng trong quá trình sản xuất

d. Là tư bản để mua nguyên nhiên vật liệu

e. Cả a và b

49. Các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy:

a. Tỷ lệ phân chia thành quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng của nhà tư bản.

b. Khối lượng giá trị thặng dư

c. Quy mô tư bản ứng trước

d. Tỷ suất giá trị thặng dư

e. Cả a và b đúng

f. Cả a và c đúng

g. Cả a và d đúng

50. Ai là người phát hiện ra quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất?

a. C. Mác

c. V. I. Lênin

b. A. Smith

d. D. Ricardo

51. Tư bản ứng trước của khu vực I là 6.000, $c/v = 4/1$, $m' = 100\%$, tổng sản phẩm của khu vực I là

a. 6.000

c. 7.000

b. 6.200

d. 7.200

52. Tư bản ứng trước của khu vực I là 6.000, $c/v = 4/1$, $m' = 100\%$. Khu vực II có $c/v = 4/1$, $m' = 100\%$. Trong điều kiện tái sản xuất giản đơn, tổng sản phẩm xã hội là

- a. 6.000
b. 10.800
- c. 10.400
d. 7.200

53. Tư bản ứng trước của khu vực I là 5.000, $c/v = 4/1$, $m' = 200\%$. Khu vực II có $c/v = 2/1$, $m' = 100\%$. Tổng sản phẩm cuối năm đạt được là 10.000, khu vực II có tư bản ứng trước là

- a. 2.250
b. 3.000
- c. 2.500
d. 7.000

54. Nếu cơ cấu giá trị hàng hóa là: $700c + 300v + 300m$, thì tỷ suất lợi nhuận là

- a. 10%
b. 20%
- c. 30%
d. 40%

55. Nếu tốc độ chu chuyển của tư bản một năm 1 vòng ($n=1$): $90c + 10v + 10m$, thì $p' = 10\%$. Vẫn cơ cấu đó nhưng $n = 3$, thì tỷ suất lợi nhuận là

- a. 10%
b. 20%
- c. 30%
d. 40%

56. Để tái sản xuất mở rộng được diễn ra, giá trị mới của khu vực I sản xuất ra phải.....giá trị tư liệu sản xuất của khu vực II.

- a. lớn hơn
b. bằng
- c. nhỏ hơn hoặc bằng
d. nhỏ hơn

57. Điều kiện để tái sản xuất giản đơn được diễn ra là:

- a. $I(v+m) = II(c)$
b. $I(c+v+m) = I(c) + II(c)$
c. $I(v+m) + II(v+m) = II(c+v+m)$
- d. $I(c+v+m) = I(v+m) + II(v+m)$
e. Cả a, b, c
f. Cả a, c, d

58. Điều kiện đầu tiên để tái sản xuất mở rộng diễn ra bình thường là

- a. Giá trị mới của khu vực I sản xuất ra phải lớn hơn giá trị tư liệu sản xuất của khu vực II
- b. Giá trị mới của khu vực I sản xuất ra phải nhỏ hơn giá trị tư liệu sản xuất của khu vực II
- c. Giá trị khu vực I sản xuất ra phải lớn hơn tổng giá trị tư liệu sản xuất của cả hai khu vực
- d. Giá trị khu vực I sản xuất ra phải lớn hơn tổng giá trị tư liệu tiêu dùng của cả hai khu vực

59. Điều kiện thứ hai để tái sản xuất mở rộng diễn ra bình thường là

- a. Toàn bộ giá trị sản phẩm của khu vực I phải lớn hơn giá trị tư liệu sản xuất đã tiêu dùng của cả hai khu vực

b. Toàn bộ giá trị sản phẩm của khu vực I phải nhỏ hơn giá trị tư liệu sản xuất đã tiêu dùng của cả hai khu vực

c. Giá trị mới của khu vực I sản xuất ra phải lớn hơn giá trị tư liệu sản xuất của khu vực II

b. Toàn bộ giá trị sản phẩm của khu vực I phải nhỏ hơn giá trị tư liệu tiêu dùng đã tiêu dùng của cả hai khu vực

60. Điều kiện thứ hai để tái sản xuất mở rộng diễn ra bình thường là

a. Tổng cung về tư liệu sản xuất của khu vực I bằng tổng cầu về tư liệu sản xuất để tái sản xuất mở rộng của xã hội

b. Tổng cung về tư liệu sản xuất của khu vực I bằng tổng cầu về tư liệu sản xuất để tái sản xuất mở rộng của khu vực II

c. Tổng cung về tư liệu tiêu dùng của khu vực II bằng tổng cầu về tư liệu tiêu dùng để tái sản xuất mở rộng của xã hội

d. Tổng cung về tư liệu sản xuất của khu vực II bằng tổng cầu về tư liệu sản xuất để tái sản xuất mở rộng của xã hội

61. Với các giả định (chung cho toàn xã hội): cung = cầu, không có ngoại thương, $c/v = 2/1$ và không đổi, tư bản cố định khấu hao hết trong 1 năm, xã hội có 2 giai cấp; $m' = 50\%$. Khu vực I ứng ra một lượng tư bản là 2000. Để tái sản xuất giản đơn diễn ra bình thường thì khu vực II phải ứng ra một lượng tư bản là

a. 2250

c. 1000

b. 1250

d. 2625

62. Với các giả định (chung cho toàn xã hội): cung = cầu, không có ngoại thương, $c/v = 2/1$ và không đổi, tư bản cố định khấu hao hết trong 1 năm, xã hội có 2 giai cấp tư sản và vô sản; $m' = 50\%$. Khu vực I ứng ra một lượng tư bản là 2000. Trong điều kiện tái sản xuất giản đơn, tổng sản phẩm xã hội là

a. 6125

c. 2625

b. 3500

d. 2250

63. Khi lợi nhuận chuyển hóa thành lợi nhuận bình quân thì giá trị hàng hóa chuyển hóa thành

a. Giá cả sản xuất

c. Giá cả độc quyền

b. Giá cả hàng hóa

d. Giá trị thị trường

64. Địa tô thu được trên những ruộng đất có điều kiện sản xuất thuận lợi là

a. Địa tô chênh lệch

c. Địa tô phong kiến

b. Địa tô tuyệt đối

d. Địa tô tư bản chủ nghĩa

65. Địa tô thu được do đầu tư thâm canh là

a. Địa tô chênh lệch I

c. Địa tô phong kiến

b. Địa tô chênh lệch II

d. Địa tô tuyệt đối

66. Trong giai đoạn độc quyền quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành

- a. Quy luật lợi nhuận độc quyền cao
- b. Quy luật giá cả sản xuất
- c. quy luật giá cả độc quyền
- d. Quy luật tích lũy tư bản

67. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, quy luật giá trị thặng dư có biểu hiện mới là

- a. Quy luật giá cả sản xuất
- b. Quy luật lợi nhuận độc quyền cao
- c. Quy luật giá cả độc quyền
- d. Quy luật lợi nhuận bình quân

68. Nguồn gốc của lợi nhuận độc quyền cao là

- a. Một phần lao động không công của công nhân ở các xí nghiệp ngoài độc quyền
- b. Lao động không công của công nhân ở các xí nghiệp độc quyền
- c. Một phần giá trị thặng dư của các nhà tư bản nhỏ
- d. Cả a, b, c

69. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, quy luật giá trị có biểu hiện mới là

- a. Quy luật giá cả sản xuất
- b. Quy luật giá cả thị trường
- c. Quy luật giá cả độc quyền
- d. Quy luật lợi nhuận bình quân

70. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích của

- a. Chủ nghĩa tư bản
- b. Tổ chức độc quyền tư nhân
- c. Nhà nước tư sản
- d. Tổ chức độc quyền tư nhân và cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản

71. Nhân tố mang lại địa tô chênh lệch II là

- a. Độ phì nhiêu, màu mỡ của đất
- b. Vị trí ruộng đất so với thị trường
- c. Mức đầu tư thâm canh
- d. Cả a, b, c

72. Nhân tố mang lại địa tô chênh lệch I là

- a. Độ phì nhiêu, màu mỡ của đất và mức đầu tư thâm canh
- b. Độ phì nhiêu, màu mỡ của đất và vị trí ruộng đất so với thị trường
- c. Vị trí ruộng đất so với thị trường và mức đầu tư thâm canh
- d. Cả 3 phương án trên đều sai

73. Tỷ suất lợi nhuận được tính bằng công thức

- a. $p' = \frac{m}{v} \cdot 100\%$
- b. $p' = \frac{m}{c + v} \cdot 100\%$
- c. $p' = m' \times V$
- d. $p' = \frac{t'}{t} \cdot 100\%$

74. Tỷ suất lợi nhuận của 3 ngành dệt, cơ khí, da lần lượt là 25%, 15% và 8%. Tính tỷ suất lợi nhuận bình quân?

- a. 20%
- b. 11%
- c. 16%
- d. 10%

75. Mục đích của xuất khẩu tư bản là:

- a. Để giải quyết nguồn “tư bản thừa” trong nước
- b. Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các khoản lợi nhuận khác ở các nước nhập khẩu tư bản
- c. Để giúp đỡ các nước nhập khẩu tư bản phát triển
- d. Cả 3 phương án trên đều sai

76. Về mặt kinh tế, xuất khẩu tư bản nhà nước thường hướng vào

- a. Ngành có lợi nhuận cao
- b. Ngành chu chuyển vốn nhanh
- c. Ngành có công nghệ mới
- d. Ngành xây dựng kết cấu hạ tầng

77. Các cường quốc đế quốc xâm chiếm thuộc địa nhằm

- a. Đảm bảo nguồn nguyên liệu
- b. Khống chế thị trường
- c. Thực hiện mục đích kinh tế - chính trị - quân sự
- d. Cả a,b,c

78. Khi chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời sẽ

- a. Phủ định các quy luật trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh
- b. Phủ định các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa
- c. Làm cho các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa và của CNTB có hình thức biểu hiện mới
- d. Không làm thay đổi các quy luật kinh tế nói chung

79. Hai xu hướng phát triển dân tộc là

- a. Các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập.
- b. Mở rộng, tăng cường quan hệ kinh tế, phá bỏ sự ngăn cách về kinh tế giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau
- c. Các dân tộc đồng hóa lẫn nhau
- d. Cả a và b
- e. Cả a và c

80. Đứa con đầu lòng của nền đại công nghiệp là giai cấp công nhân ở

- a. Pháp
- b. Anh
- c. Tây Ban Nha
- d. Hà Lan

81. Nguyên tắc cơ bản trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là

- a. Bảo đảm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân
- b. Bảo đảm nguyên tắc tự nguyện
- c. Kết hợp đúng đắn các lợi ích
- d. Cả a, b, c

82. Vì sao hàng hóa có hai thuộc tính?

- a. Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt
- b. Vì có hai loại lao động là lao động cụ thể và lao động trừu tượng
- c. Vì hàng hóa được đem ra trao đổi trên thị trường
- d. Vì hàng hóa là sản phẩm lao động của con người

83. Xuất khẩu tư bản là

- a. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài
- b. Cho nước ngoài vay
- c. Mang hàng hóa ra bán ở nước ngoài để thực hiện
- d. Cả a và b

84. Trong giai đoạn CNTB độc quyền có những hình thức cạnh tranh nào?

- a. Cạnh tranh giữa tổ chức độc quyền với xí nghiệp ngoài độc quyền
- b. Cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với nhau
- c. Cạnh tranh trong nội bộ tổ chức độc quyền
- d. Cả a, b, c

85. Mục tiêu cuối cùng của cách mạng xã hội chủ nghĩa là

- a. Xóa bỏ chế độ tư hữu
- b. Giải phóng con người, giải phóng xã hội
- c. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân
- d. Xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa

86. Sự thay đổi căn bản, toàn diện và triệt để một hình thái kinh tế - xã hội này bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác là

- a. Đột biến xã hội
- b. Tiến bộ xã hội
- c. Cách mạng xã hội
- d. Cải cách xã hội

III. CHỌN CÂU ĐÚNG (Đ), SAI (S), GIẢI THÍCH NGẮN GỌN

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị là lực lượng sản xuất xét trong mối tương quan với quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng
2. Con người có thể thủ tiêu được quy luật kinh tế bằng các chính sách kinh tế.
3. Con người không thể thay đổi được quy luật kinh tế nhưng có thể vận dụng quy luật kinh tế để phục vụ cho mình
4. Sự tác động của quy luật kinh tế phải thông qua sự hoạt động của con người trong xã hội
5. Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà người sản xuất vừa phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân, vừa để bán
6. Sản xuất hàng hóa luôn tồn tại trong xã hội loài người
7. Sản xuất hàng hóa chỉ xuất hiện trong một số phương thức sản xuất nhất định
8. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa là sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa
9. Thời gian lao động cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra hàng hóa là đơn vị đo của lượng giá trị hàng hóa
10. Lao động phức tạp tạo ra ít giá trị hơn lao động giản đơn
11. Tiền cũng có giá trị, giá trị sử dụng và giá cả.
12. Ôxy hít thở hàng ngày là hàng hóa.

13. Giá trị là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị trao đổi.
14. Sở dĩ hàng hóa có hai thuộc tính là do lao động của người sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt: lao động giản đơn và lao động phức tạp.
15. Mọi sự tiêu phí sức lao động của con người đều là lao động trừu tượng.
16. Tiền tệ có 3 chức năng
17. Lượng giá trị của hàng hóa được tính bằng thời gian lao động cá biệt.
18. Bất kỳ xã hội nào cũng cần có giá trị sử dụng
19. Xét về lao động trừu tượng tất cả các lao động đều giống nhau
20. Bản chất của tiền là vàng
21. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng là hai loại lao động
22. Hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị trao đổi
23. Quan hệ cung cầu làm cho giá cả hàng hóa lên xuống xung quanh giá trị
24. Xét về lao động cụ thể tất cả các loại lao động đều giống nhau
25. Khi có lạm phát sức mua của tiền giảm
26. Giá trị của chiếc điện thoại di động là số tiền bỏ ra để mua nó
27. Tiền làm chức năng thước đo giá trị là tiền dùng để mua bán các hàng hóa
28. Giá trị hàng hóa sức lao động là chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản.
29. Tiền công danh nghĩa là số hàng hóa người công nhân mua được từ tiền công thực tế
30. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư là: phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư siêu ngạch
31. Giá trị thặng dư siêu ngạch có được là do tăng năng suất lao động xã hội
32. Giá trị thặng dư tuyệt đối có được là do tăng năng suất lao động xã hội
33. Nguồn gốc của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư
34. Hàng hóa sức lao động có giá trị sử dụng đặc biệt
35. Công nhân bán lao động cho nhà tư bản
36. Sức lao động của người nô lệ là hàng hóa
37. Căn cứ vào phương thức chu chuyển giá trị vào sản phẩm, tư bản được chia thành tư bản bất biến và tư bản khả biến
38. Tư bản bất biến chính là nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư
39. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB là tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế
40. Tư bản bất biến là tư bản dùng để mua máy móc, thiết bị, nhà xưởng và được ký hiệu là v

41. Đặc điểm của tư bản lưu động là chuyển từng phần giá trị vào sản phẩm trong quá trình sản xuất
42. Hao mòn vô hình là hao mòn do sử dụng và do ảnh hưởng của tự nhiên
43. Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối
44. Giá trị tư bản bất biến trong sản phẩm không thể lớn hơn giá trị tư bản bất biến bỏ vào trong sản phẩm
45. Cắt xén tiền công làm tăng quy mô tích lũy tư bản
46. Tiền là tư bản, tư bản là tiền
47. Giá trị thặng dư là giá trị mới
48. Tiền công là giá trị của hàng hóa sức lao động
49. Tiến bộ của khoa học kỹ thuật làm cho cấu tạo hữu cơ của tư bản giảm xuống
50. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn luôn lớn hơn chi phí thực tế
51. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa phản ánh hao phí tư bản của nhà tư bản, không phải là nguồn gốc tạo ra giá trị hàng hóa.
52. Biện pháp cạnh tranh giữa các ngành là tự do di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác
53. Các doanh nghiệp cạnh tranh trong nội bộ ngành bằng cách cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động
54. Trong nghiên cứu tái sản xuất tư bản xã hội, C. Mác giả định nền sản xuất xã hội được chia làm 3 khu vực
55. k là phần giá trị bù lại giá cả c và v đã tiêu dùng để sản xuất ra hàng hóa cho nhà tư bản.
56. Địa tô tuyệt đối là địa tô thu được trên những ruộng đất có điều kiện sản xuất thuận lợi.
57. Tốc độ chu chuyển của tư bản tăng lên thì tỷ suất lợi nhuận sẽ không đổi
58. Quá trình cạnh tranh tự do sinh ra độc quyền
59. Khi độc quyền ra đời, xã hội sẽ không còn sự cạnh tranh
60. Độc quyền sinh ra từ cạnh tranh tự do, làm cạnh tranh gay gắt hơn, đa dạng và phức tạp hơn.
61. Tư bản tài chính là tổng số tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng
62. Các tổ chức độc quyền phân chia thế giới về mặt lãnh thổ vừa cạnh tranh, vừa hợp tác với nhau
63. Bản chất của chủ nghĩa đế quốc: về mặt kinh tế là sự thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền, về mặt chính trị là sự xâm lược, hiếu chiến
64. Sự thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền là bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

65. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là một chính sách trong giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền để thích nghi với điều kiện mới

66. Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính là bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền

67. Xuất khẩu tư bản là xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài

68. Tư bản tài chính là sự kết hợp giữa tư bản độc quyền ngân hàng và tư bản độc quyền nhà nước

69. Sự phân chia thế giới về lãnh thổ dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế

70. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự kết hợp giữa các tổ chức độc quyền tư nhân với liên minh các nhà độc quyền công nghiệp

B. TỰ LUẬN

1. Trình bày điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa? Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa so với nền kinh tế tự cung tự cấp? Từ đó, đưa ra ý kiến của mình để phát huy mặt tích cực và khắc phục hạn chế của sản xuất hàng hóa?

2. Hàng hóa là gì? Phân tích các thuộc tính của hàng hóa. Vì sao hàng hóa lại có các thuộc tính đó? Ý nghĩa của việc nghiên cứu?

3. Trình bày lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa? Ý nghĩa của việc nghiên cứu?

4. Phân tích quá trình hình thành tiền tệ? Bản chất của tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ? Ý nghĩa của việc nghiên cứu?

5. Trình bày nội dung, yêu cầu, tác dụng của quy luật giá trị? Ý nghĩa của việc nghiên cứu quy luật giá trị?

6. Anh (chị) hãy trình bày quá trình chuyển hóa của tiền thành tư bản?

7. Trình bày điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa? Tại sao hàng hóa sức lao động được coi là hàng hóa đặc biệt? Anh (chị) hãy nêu ý kiến của mình để sử dụng hiệu quả sức lao động trong phát triển kinh tế?

8. Trình bày quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư và bản chất giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản?

9. So sánh các phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư? Vai trò của sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch trong nền kinh tế thị trường?

10. Nêu nguồn gốc và động cơ của tích lũy tư bản? Anh (chị) hãy đưa ra ý kiến của mình để tăng quy mô tích lũy tư bản?

11. Trình bày quy luật chung của tích lũy tư bản? Hãy đưa ra ý kiến của mình để phát huy mặt tích cực và khắc phục hạn chế của quy luật chung của tích lũy tư bản?

12. Khái niệm lợi nhuận? So sánh lợi nhuận với giá trị thặng dư? Tỷ suất lợi nhuận với tỷ suất giá trị thặng dư?

- 13.** Trình bày quá trình hình thành lợi nhuận bình quân và sự chuyển hóa giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất?
- 14.** Bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa? Phân tích các hình thức địa tô tư bản chủ nghĩa?
- 15.** Phân tích nguyên nhân hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền? Trình bày mối quan hệ giữa độc quyền và cạnh tranh?
- 16.** Phân tích các đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền? Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản độc quyền?
- 17.** Trình bày nguyên nhân ra đời, bản chất và những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước?
- 18.** Phân tích vai trò và hạn chế của chủ nghĩa tư bản? Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản? Ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu?